BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2889/TCBC-BTP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015*

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 7 năm 2015

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 7 năm 2015 như sau:

I. SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 7 năm 2015, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 07 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 03 Nghị định của Chính phủ và 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

3. Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.

2. Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015 về tiêu chuẩn nhà ở công vụ.

3. Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

4. Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

a) Hiệu lực thi hành: 01/9/2015.

Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý và điều hành Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi và bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg; các quy định về chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề quy định tại Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề; Điều 4 Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật việc làm và Bộ luật Lao động, tạo điều kiện thuận lợi và thống nhất trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm và tiếp tục duy trì, phát triển các quy định về vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 chương, 47 điều, quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động và Luật Việc làm về chính sách việc làm công, hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên và Quỹ quốc gia về việc làm.

Nghị định áp dụng đối với: (1) Người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Luật Việc làm; (2) Người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Lao động; (3) Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Nghị định quy định về các vấn đề liên quan đến chính sách việc làm công, cụ thể: lựa chọn và thông báo dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công; tham gia chính sách việc làm công; tổ chức thực hiện chính sách việc làm công; hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; về hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên gồm: đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện và hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; về Quỹ quốc gia về việc làm gồm: quản lý và sử dụng Quỹ quốc gia về việc làm; cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động; cho vay ưu đã đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các điều khoản thi hành.

2. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

a) Hiệu lực thi hành: 01/9/2015.

Nghị định này thay thế Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự; Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự; Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để hợp nhất quy định chi tiết các vấn đề trong Luật Thi hành án dân sự và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 04 chương, 85 điều, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 về thủ tục thi hành án dân sự; hệ thống tổ chức cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự; Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp; Thẩm tra viên thi hành án, Thẩm tra viên chính thi hành án, Thẩm tra viên cao cấp thi hành án; Thư ký thi hành án, Thư ký trung cấp thi hành án; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự; việc thi tuyển, tuyển chọn, bổ nhiệm Chấp hành viên; thẻ, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ đối với Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án và người làm công tác thi hành án dân sự.

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, người làm công tác thi hành án dân sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thi hành án dân sự; thủ tục thi hành án dân sự; cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, người làm công tác thi hành án dân sự (Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự); thẻ, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ đối với Chấp hành viên, Thẩm tra viên, người làm công tác thi hành án dân sự và các điều khoản thi hành.

3. Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

a) Hiệu lực thi hành: 15/9/2015.

Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế của chính sách hiện hành, phù hợp với những thay đổi cơ bản về tiền lương tại Bộ luật Lao động năm 2012; tạo điều kiện cho doanh nghiệp sắp xếp lại lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; người lao động ổn định cuộc sống khi thôi việc và được tạo điều kiện nâng cao tay nghề, chuyển đổi nghề để tìm việc làm mới.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 11 điều, quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con thực hiện sắp xếp lại theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: (1) Cổ phần hóa, bán; (2) Chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; (3) Chuyển thành đơn vị sự nghiệp; (4) Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; (5) Giải thể, phá sản.

Nghị định áp dụng đối với: (1) Người lao động Dôi dư trong công ty thực hiện sắp xếp lại; (2) Người được công ty thực hiện sắp xếp lại ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của công ty đối với phần vốn của công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác và làm việc chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp đó; (3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định quy định cụ thể về: chính sách đối với người lao động dôi dư được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 hoặc trước ngày 26 tháng 4 năm 2002; chính sách đối với người lao động dôi dư được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 hoặc từ ngày 26 tháng 4 năm 2002 trở về sau; chính sách đối với người đại diện phần vốn của công ty; thời gian làm việc để làm căn cứ tính chế độ; tiền lương làm căn cứ tính chế độ; nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư trong công ty thực hiện sắp xếp lại; trách nhiệm của công ty thực hiện sắp xếp lại và công ty sau khi sắp xếp lại; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và các điều khoản thi hành.

4. Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.

a) Hiệu lực thi hành: 25/8/2015.

Bãi bỏ Quyết định số 108/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để thực hiện chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ), đáp ứng yêu cầu triển khai chức năng, nhiệm vụ mới được giao trong giai đoạn mới.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 05 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.

Theo Quyết định, Kho bạc Nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về quỹ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước; quản lý ngân quỹ nhà nước; tổng kế toán nhà nước; thực hiện việc huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển thông qua hình thức phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật; Kho bạc Nhà nước có tư cách pháp nhân.

Theo Quyết định, Kho bạc Nhà nước gồm 14 đơn vị trực thuộc, trong đó, trong đó có 12 đơn vị giúp Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Kho bạc Nhà nước.

5. Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ.

a) Hiệu lực thi hành: 25/8/2015.

Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2008/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc thiết kế và tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ và bãi bỏ các quy định về tiêu chuẩn nhà ở công vụ có liên quan kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để quy định tiêu chuẩn nhà ở công vụ cho các đối tượng Luật Nhà ở 2014 đã quy định bổ sung thêm và bổ sung nội dung về trang bị nội thất cho nhà ở công vụ, đảm bảo các quy định của pháp luật về nhà ở hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 09 điều, quy định tiêu chuẩn nhà ở công vụ bao gồm: Tiêu chuẩn diện tích sử dụng và định mức trang bị nội thất nhà ở công vụ.

Quyết định áp dụng đối với: (1) Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà ở công vụ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ; (2) Các đối tượng được thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Điều 32 của Luật Nhà ở năm 2014; (3) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

Theo Quyết định, đối tượng và điều kiện được thuê nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Luật Nhà ở năm 2014.

Quyết định quy định cụ thể về: quy định thiết kế nhà ở công vụ; tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ; tiêu chuẩn trang bị nội thất nhà ở công vụ; nguyên tắc bố trí nhà ở công vụ và việc tổ chức thực hiện.

6. Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

a) Hiệu lực thi hành: 05/9/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để quy định cụ thể chính sách tín dụng ưu đãi riêng cho đối tượng hộ mới thoát nghèo (trên ngưỡng cận nghèo) nhằm thực hiện mục tiêu hạn chế tái nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2020.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 10 điều, quy định về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm từng bước ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Quyết định áp dụng đối với hộ gia đình đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua điều tra, rà soát hằng năm có thu nhập bình quân đầu người cao hơn chuẩn cận nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm.

Theo Quyết định, nguồn vốn cho vay theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Quyết định quy định cụ thể mức cho vay; thời hạn cho vay; lãi suất cho vay; gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn; hồ sơ, thủ tục cho vay và xử lý nợ bị rủi ro; trách nhiệm của các đơn vị liên quan và điều khoản thi hành.

7. Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Hiệu lực thi hành: 15/9/2015.

Quyết định này áp dụng từ năm tài chính 2015 của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để khắc phục các tồn tại hạn chế trong Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg, phù hợp với các quy định mới của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều, sửa đổi, bổ sung Điều 3; Khoản 1, Điều 6; Khoản 1, Điều 7; Điều 8; Điều 12; Điều 13; Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 1 Điều 18 của Quy chế quản lý tài chính đối

với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp;
- Báo Pháp luật Việt Nam;
- Vụ PBGDPL;
- Lưu: VT, VP.

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Tiến Dũng